



# **BẢN TIN PHÁP LUẬT**

***Tháng 02/2024***

## I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

### **1. Quyết định số 98/QĐ-TCT ngày 26/01/2024 của Tổng cục Thuế về Quy trình áp dụng quản lý rủi ro lựa chọn hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Tiêu thụ đặc biệt để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế**

Theo đó, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của quy trình như sau:

Quy trình hướng dẫn về trình tự, thủ tục, các bước thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong công tác lựa chọn hồ sơ khai thuế (HSKT) giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt của người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế (CQT).

Quy trình áp dụng cho cơ quan thuế các cấp: Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế (bao gồm cả Chi cục Thuế khu vực).

#### **Nguyên tắc chung cho việc đánh giá, phân loại, xử lý kết quả phân loại mức độ rủi ro hồ sơ khai thuế:**

- Việc phân tích, đánh giá, phân loại mức độ rủi ro để lựa chọn HSKT giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt kiểm tra tại trụ sở CQT được thực hiện tự động, tập trung trên ứng dụng quản lý rủi ro (QLRR).
- Định kỳ hàng tháng, bộ phận QLRR tại CQT các cấp quản lý trực tiếp người nộp thuế phối hợp với bộ phận Tin học sử dụng ứng dụng QLRR để lựa chọn HSKT giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt của người nộp thuế như sau:
  - Đối với HSKT giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt: việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Trường hợp người nộp thuế có HSKT sửa đổi, bổ sung thì việc đánh giá, phân loại lại mức độ rủi ro của HSKT có sửa đổi, bổ sung được thực hiện vào ngày 25 tháng sau.
  - Đối với HSKT thu nhập doanh nghiệp: việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được thực hiện định kỳ vào ngày 25 tháng 4. Trường hợp người nộp thuế có kỳ khai thuế TNDN khác năm dương lịch hoặc có sửa đổi, bổ sung HSKT thu nhập doanh nghiệp thì việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được thực hiện định kỳ vào ngày 25 tháng 4, ngày 25 tháng 7 và ngày 25 tháng 10.
- Trên cơ sở tổng điểm rủi ro của HSKT và ngưỡng rủi ro, ứng dụng QLRR tự động phân loại mức độ rủi ro với mỗi HSKT giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt theo một trong ba mức: rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp. Kết quả phân tích rủi ro, phân loại mức độ rủi ro đối với HSKT của người nộp thuế được tổng hợp theo mẫu số 01-KTTB/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quy trình này.

Quyết định 98/QĐ-TCT có hiệu lực từ ngày 26/01/2024.

## **2. Quyết định số 22/QĐ-TCT ngày 10/01/2024 của Tổng cục Thuế ban hành Chương trình khung cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm 2024**

**Theo đó, đối tượng cập nhật kiến thức gồm:**

1. Nhân viên đại lý thuế;
2. Người đăng ký hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Trường hợp người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong năm 2023 và 2024 đăng ký hành nghề trong thời gian được cấp chứng chỉ đến ngày 31/12/2024 thì không bắt buộc phải cập nhật kiến thức năm 2024.

**Thời gian cập nhật kiến thức:** Tối thiểu 24 giờ trong một năm. Trong đó thời gian cập nhật tối thiểu đối với từng phần kiến thức cụ thể như sau:

- a) Phần I – Các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và nội dung liên quan đến quản lý thuế: 20 giờ.
- b) Phần II – Các quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp: 04 giờ.

## **3. Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT (TT 25) ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT (TT 03) ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư**

**Theo đó, TT 25 sửa đổi, bổ sung một số mẫu văn bản quy định tại TT 03, bao gồm:**

1. Sửa đổi, bổ sung các mẫu văn bản liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam;
2. Sửa đổi, bổ sung các mẫu văn bản liên quan đến hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;
3. Sửa đổi, bổ sung các mẫu văn bản liên quan đến hoạt động Xúc tiến đầu tư;
4. Tại một số các biểu mẫu, đối với nhà đầu tư cá nhân và người đại diện theo pháp luật là công dân có quốc tịch Việt Nam hoặc công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài nhưng lựa chọn sử dụng quốc tịch Việt Nam thì chỉ khai các thông tin: họ và tên, mã định danh cá nhân, địa chỉ liên hệ, điện thoại, email. Đối với các nhà đầu tư cá nhân và người đại diện theo pháp luật là công dân có quốc tịch nước ngoài hoặc công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài nhưng lựa chọn sử dụng quốc tịch nước ngoài thì khai các thông tin như hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.



## II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 16/TCT-KK ngày 03/01/2024 của Tổng Cục Thuế về kê khai, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính

- Công ty ABC có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh X, thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn tỉnh Y. Trên địa bàn tỉnh Y, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh từ năm 2018, nhưng Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, không xuất hóa đơn thuế GTGT đầu ra, kê khai thuế GTGT đầu vào tại Công ty.
- Về nguyên tắc, từ kỳ tính thuế T1/2021 hoặc Q1/2021 trở đi, người nộp thuế (NNT) kê khai, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư tại cơ quan thuế nơi có dự án đầu tư theo quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Do vậy, việc Công ty tiếp tục kết chuyển, kê khai thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư từ kỳ tính thuế T1/2021 đến nay trên Tờ khai mẫu 02/GTGT và nộp tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính là chưa đúng quy định. Hành vi kê khai sai các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn của Công ty bị xử phạt theo quy định Điều 12 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.



2. Công văn số 17/TCT-DNNCN ngày 03/01/2024 của Tổng cục Thuế về kê khai số thuế được miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

- Trường hợp cá nhân NNT là đối tượng không cư trú tại Việt nam nếu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (mẫu số 01/HTQT và các hồ sơ kèm theo) cùng với hồ sơ khai thuế (mẫu số 02/KK-TNCN) của lần khai thuế đầu tiên.

3. Công văn số 90/TCT-DNNCN ngày 09/01/2024 của Tổng cục Thuế về tăng cường công tác quản lý thuế các mỏ khoáng sản

- Số liệu từ các trạm cân lắp đặt tại các điểm vận chuyển khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác là một trong những tư liệu, thông tin, ... làm cơ sở để cơ quan Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế và đồng thời hình ảnh lưu trữ từ camera giám sát do chủ mỏ lắp đặt cũng là nguồn thông tin hữu ích cho công tác thống kê, giám sát, quản lý sản lượng khoáng sản khai thác thực tế của cơ quan TN&MT. Theo đó, Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương để rà soát, trao đổi thông tin xác định sản lượng tài nguyên thực tế doanh nghiệp khai thác làm cơ sở đối chiếu với sản lượng tài nguyên tính thuế mà doanh nghiệp đã kê khai thuế và sản lượng tài nguyên được cấp phép khai thác để xử lý theo quy định.

#### 4. Công văn số 91/TCT-QLN ngày 09/01/2024 của Tổng cục Thuế về việc sử dụng hóa đơn

- Trước đây, tại điểm 5 Phụ lục kèm theo công văn số 5113/TCT-CS ngày 27/12/2021, Tổng cục Thuế đã hướng dẫn về việc **sử dụng nhiều hóa đơn điện tử có mã** của cơ quan thuế khi đề nghị cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh, cụ thể như sau:
- “*Trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn có cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhiều khách hàng khác nhau thì khi đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, doanh nghiệp được đề nghị một lần sử dụng nhiều hóa đơn điện tử và doanh nghiệp phải thực hiện nộp đủ số thuế phải nộp theo quy định hoặc nộp 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.*”

#### 5. Công văn số 140/TCT-QLN ngày 11/01/2024 của Tổng cục Thuế về việc khoan tiền thuế nợ

- Đối với NNT có **quyết định giải thể** và NNT **không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh** đã đăng ký theo Khoản 2 hoặc khoản 4 Điều 83 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội: Thời gian khoan nợ được tính từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh (ĐKKD) **đăng tải thông tin** về việc NNT đang làm thủ tục giải thể trên Hệ thống thông tin quốc gia về ĐKKD hoặc từ ngày cơ quan quản lý thuế (CQT) **có văn bản thông báo** trên toàn quốc về việc NNT không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh. Số tiền thuế nợ được khoan là số tiền thuế nợ tại thời điểm bắt đầu của thời gian khoan nợ. Sau thời điểm khoan nợ nêu trên mà người nộp thuế **phát sinh thêm** các khoản tiền thuế nợ thì CQT thực hiện **phân loại** số tiền thuế nợ này theo hướng dẫn tại Quy trình quản lý nợ ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.
- Đối với NNT đã bị CQT có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền **thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**: Thời gian khoan nợ được tính từ CQT có **văn bản đề nghị** cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc từ ngày có hiệu lực của **quyết định thu hồi** giấy chứng ĐKKD. Trong thời gian từ ngày CQT có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan ĐKKD đến ngày cơ quan ĐKKD có quyết định thu hồi hoặc có văn bản về việc không thu hồi thì CQT có thể **áp dụng biện pháp cưỡng chế** phù hợp để đảm bảo hiệu quả công tác quản lý thuế.

#### 6. Công văn 257/TCT-CS ngày 19/01/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

- Về gia hạn thuế TNDN: Trường hợp khó khăn của Doanh nghiệp **không thuộc các trường hợp** được gia hạn quy định tại Điều 62 Luật Quản lý thuế và không thuộc các trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 63 Luật Quản lý thuế và Điều 19 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP nên **không có cơ sở để xem xét gia hạn** nộp thuế TNDN.
- Trường hợp **đến hạn thanh toán** của hợp đồng, phụ lục hợp đồng xuất khẩu mà Doanh nghiệp **không cung cấp được chứng từ đã thanh toán** là không đảm bảo điều kiện về khấu trừ, hoàn thuế GTGT. CQT thực hiện **thu hồi số tiền thuế đã hoàn** và xử lý theo đúng quy định của Luật thuế GTGT, Luật Quản lý thuế.

## 7. Công văn số 462/TCT-CS ngày 05/02/2024 của Tổng Cục Thuế về hóa đơn

- Trường hợp doanh nghiệp chế xuất (DNCX) bán sản phẩm do DNCX sản xuất vào **thị trường nội địa** thì hàng hóa nhập khẩu từ DNCX vào thị trường nội địa thuộc **đối tượng chịu thuế** theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định, DNCX thực hiện hóa đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.
- Trường hợp DNCX **nhận gia công cho doanh nghiệp trong nội địa** theo đúng quy định pháp luật thì thực hiện hóa đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.
- Trường hợp DNCX **thanh lý tài sản cố định cho doanh nghiệp trong nội địa**, Tổng cục Thuế đã có công văn 2312/TCT-CS ngày 08/06/2023, cụ thể: *doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bán hàng (loại dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan) theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.*
- Đối với vướng mắc về việc sử dụng hóa đơn khi DNCX có hoạt động kinh doanh khác, đề nghị thực hiện theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế tại công văn 5029/TCT-PC ngày 09/11/2023.



## 8. Công văn số 480/TCT-HTQT ngày 05/02/2024 của Tổng cục Thuế về vướng mắc trong việc giải quyết hồ sơ đề nghị khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam

- **Hiệp định tránh đánh thuế hai lần** và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập giữa Chính phủ Việt Nam và Singapore quy định: *“Khi một đối tượng cư trú của Việt nam có thu nhập mà theo những quy định tại Hiệp định này có thể phải chịu thuế tại Xing-ga-po, Việt Nam sẽ cho phép đối tượng đó được khấu trừ vào thuế Việt nam tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền tương đương với số tiền thuế nộp tại Xing-ga-po. Trường hợp thu nhập đó là tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Xing-ga-po trả cho một đối tượng cư trú của Việt nam mà đối tượng đó là một công ty trực tiếp hay gián tiếp sở hữu không thấp hơn 10% vốn cổ phần của công ty thứ nhất, thì số thuế được khấu trừ sẽ tính đến số thuế Xing-ga-po của công ty đó đã nộp trên phần lợi tức dùng để chia tiền lãi cổ phần. Tuy nhiên, số tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá phần thuế Việt Nam được tính trước khi cho phép khấu trừ, phân bổ trên phần thu nhập đó.”*
- Như vậy, trường hợp tại Hiệp định thuế có quy định khấu trừ gián tiếp thì doanh nghiệp áp dụng quy định khấu trừ gián tiếp đối với số thuế đã nộp tại nước ngoài **trước khi chia lãi cổ phần.**

## Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Chủ tịch Hội đồng thành viên  
0914 015 678  
hie.u.nguyen@ecovis.com.vn



**Phạm Quang Trung**  
Tổng Giám đốc  
0935 58 3456  
trung.pham@ecovis.com.vn



**Nguyễn Hải Nam**  
Phó Tổng Giám đốc  
0916 020 113  
nam.nguyen@ecovis.com.vn



**Trần Dương Nghĩa**  
Phó Tổng Giám đốc  
0916 538 539  
nghia.tran@ecovis.com.vn



**Nguyễn Trung Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
0917 705 379  
dung.nguyen@ecovis.com.vn



**Lê Huy Đông**  
Trưởng phòng Tư vấn - Đào tạo  
0944 322 988  
dong.le@ecovis.com.vn



**Nguyễn Thị Hiền Giang**  
Phó phòng Tư vấn – Đào tạo  
0933 224 968  
giang.nguyen@ecovis.com.vn

